TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 6- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Đinh Văn Tân; ông Mai Văn Đảm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST- HNGĐ ngày 16/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M; sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị M1, anh T (Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" đề ngày 16/01/2024, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 29/10/2014. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên sảy ra cãi vã, cuộc sống kinh tế khó khăn khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được, cuộc sống vợ, chồng luôn mệt mỏi, chán nản. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày: 23/5/2015. Ly hôn chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M số tiền 1.000.000 đồng/ tháng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh T và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, anh T đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Trong khi đó, chị M vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong đơn yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2024, chị M trình bày: Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày: 23/5/2015 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, anh T đã không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu thỏa thuận giữa anh T và chị mầu. Chị M đã có đơn đề nghị Tòa án chuyển yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị M sang vụ án tranh chấp hôn nhan và gia đình. Do đó, Tòa án đã thông báo chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự và giải quyết theo thủ tục chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày: 23/5/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quá trình giải quyết việc dân sự, do anh T không đến tham gia phiên hòa giải, dẫn đến hai bên không thống nhất được các vấn đề đang tranh chấp. Chị M có đơn đề nghị chuyển yêu cầu giải quyết việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị M và anh T. Căn cứ khoản 5 Điều 397 BLTTDS, Tòa án đã đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn và chuyển việc dân sự sang giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Anh T đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh T không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa, chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh T lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị M1 và anh T.

[4]. Về hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 29/10/2014. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống kinh tế khó khăn khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng rầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Việc này, cả chị M và anh T đều thừa nhận. Anh T1 không có mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, trong khi đó chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[5]. Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày: 23/5/2015. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

HĐXX thấy: Tại đơn yêu cầu ngày 16/01/2024 chị M và anh T đều đồng ý giáo cháu Nguyễn Thị Hải B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đầu năm 2020 chị M và anh T sống ly thân, cháu Nguyễn Thị Hải B ở với chị M, được chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Hải B, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Nguyễn Thị Hải B, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị M. Giao cháu Nguyễn Thị Hải B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị M, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[6]. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày: 23/5/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002243 ngày 29/02/2024. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn T. Chị M và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Cẩm;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn